

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt dự án Nâng cấp, cải tạo Trường THPT Mường Lát,  
huyện Mường Lát**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH4 và Luật số 62/2020/QH14;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 267/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, cải tạo Trường THPT Mường Lát, huyện Mường Lát;*

*Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 177/SXD-HĐXD ngày 10/01/2023 về báo cáo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Nâng cấp, cải tạo Trường THPT Mường Lát, huyện Mường Lát (kèm theo hồ sơ dự án).*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án Nâng cấp, cải tạo Trường THPT Mường Lát, huyện Mường Lát với những nội dung sau:

**1. Tên dự án:** Nâng cấp, cải tạo Trường THPT Mường Lát, huyện Mường Lát.

**2. Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

**3. Chủ đầu tư:** Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Mường Lát.

**4. Địa điểm xây dựng:** Trong khuôn viên Trường THPT Mường Lát, thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát.

**5. Loại, nhóm dự án, cấp công trình:** Nhóm C, loại công trình dân dụng, cấp III, thời hạn sử dụng 20-50 năm.

**6. Tổ chức tư vấn lập dự án:** Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây lắp Hùng Vương.

**7. Mục tiêu đầu tư:** Nâng cấp, cải tạo các hạng mục công trình nhằm đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất, đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập cho giáo viên và học sinh, từng bước hoàn thiện các tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia của Trường THPT Mường Lát, huyện Mường Lát.

## **8. Nội dung đầu tư, giải pháp thiết kế chủ yếu**

### **8.1. Nhà đa năng**

a) Giải pháp kiến trúc:

- Công trình có quy mô 01 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 19,0mx30,5m. Chiều cao công trình 11,15m (tính từ cos mặt sân hoàn thiện đến cos đỉnh mái), cos 0.00 là cos nền tầng 1 cao hơn cos mặt sân hoàn thiện 0,75m; mái cao 2,5m.

- Mặt bằng bố trí: 01 sảnh chính; không gian tập đa năng; sân khấu; phòng thiết bị; kho; phòng thay đồ Nam + vệ sinh; phòng thay đồ Nữ + vệ sinh.

b) Giải pháp kết cấu:

- Phần móng sử dụng giải pháp móng đơn BTCT trên nền đất tự nhiên. Đài móng, giằng móng bằng BTCT đổ tại chỗ đá 1x2 mác 250.

- Phần thân sử dụng giải pháp kết cấu khung cột BTCT chịu lực, sàn BTCT kết hợp hệ vì kèo thép, gác xà gồ lợp mái tôn.

c) Giải pháp cấp điện, chống sét; Giải pháp thoát nước; Giải pháp phòng cháy chữa cháy: Được thiết kế đồng bộ, phù hợp với quy mô và công năng sử dụng của công trình.

### **8.2. Cải tạo nhà ký túc xá 02 tầng thành nhà lớp học bộ môn**

Tháo dỡ một số tường ngăn phòng để mở rộng thành 04 phòng học bộ môn. Tháo dỡ nhà vệ sinh cũ thành phòng để dụng cụ học tập.

Tháo dỡ lớp trát tường và trần cũ tại các vị trí bong tróc, trát lại tường và trần mới bằng vữa xi măng (VXM) mác 75, vệ sinh sơn lại toàn bộ tường và trần nhà bằng sơn 3 nước. Bóc bỏ lớp gạch lát nền cũ, lát lại nền nhà bằng gạch Ceramic KT 600x600mm. Tháo dỡ và thay thế toàn bộ lan can cũ. Lát lại mặt bậc cầu thang và bậc tam cấp bằng đá Granite màu sáng, thay mới lan can và tay vịn cầu thang. Thay thế cửa đi và cửa sổ bằng cửa nhôm hệ pano kính trắng dày 6,38mm, thay mới hoa sắt cửa sổ. Tháo dỡ toàn bộ hệ thống điện cũ, làm mới lại hệ thống điện đi ngầm tường. Chống thấm lại sênô mái, tháo dỡ mái tôn cũ sơn lại xà gồ lợp lại mái tôn mới, thay mới hệ thống ống thoát nước mái. Làm mới lại hệ thống chống sét cho công trình.

### **8.3. Cải tạo nhà hiệu bộ 2 tầng**

Tháo dỡ toàn bộ phần cửa đi, cửa sổ, hoa sắt cửa sổ. Thay mới cửa đi, cửa sổ bằng cửa nhôm hệ pano kính trắng dày 6,38mm, hoa sắt cửa sổ thay mới bằng sắt vuông đặc 14x14mm sơn tĩnh điện.

### **8.4. Cải tạo nhà lớp học 2 tầng 12 phòng**

Tháo dỡ lớp trát tường và trần cũ tại các vị trí bong tróc, trát lại tường và trần mới bằng VXM mác 75, vệ sinh sơn lại toàn bộ tường và trần nhà bằng sơn 3 nước. Bóc bỏ lớp gạch lát nền cũ, lát lại nền nhà bằng gạch Ceramic KT 600x600mm. Tháo dỡ và thay thế toàn bộ lan can cũ tầng 1. Lát lại mặt bậc cầu thang và bậc tam cấp bằng đá Granite màu sáng, thay mới lan can và tay vịn cầu thang. Mở rộng và thay thế cửa đi bằng cửa nhôm hệ pano kính trắng dày 6,38mm; mở rộng và thay thế cửa sổ bằng cửa nhôm hệ pano kính trắng dày 6,38mm, thay mới hoa sắt cửa sổ. Tháo dỡ toàn bộ hệ thống điện cũ, làm mới lại hệ thống điện đi ngầm tường. Chống thấm lại sênô mái, tháo dỡ mái tôn cũ sơn lại xà gồ lợp lại mái tôn mới, thay mới hệ thống ống thoát nước mái. Làm mới lại hệ thống chống sét cho công trình.

### **8.5. Cải tạo nhà lớp học 3 tầng 12 phòng**

- Gia cố phần móng: tháo dỡ một số trụ tường, tháo dỡ cầu thang tầng 1 lên tầng 2, tháo dỡ toàn bộ nền nhà tầng 1, đào âm nền nhà phía trong các phòng; tiến hành ép cọc bê tông cốt thép 200x200mm gia cố nền và làm mới móng gia cố. Hoàn trả lại nền nhà, làm lại cầu thang bộ tầng 1 lên tầng 2.

- Phần cải tạo chung: Vệ sinh tường, trần nhà cũ, sơn lại toàn bộ tường và trần nhà bằng sơn trực tiếp 03 nước; Thay thế toàn bộ hệ thống bóng đèn chiếu sáng và một số quạt trần hư hỏng; Chống thấm lại sênô mái, thay mới hệ thống ống thoát nước mái.

### **8.6. Cải tạo nhà công vụ giáo viên 2 tầng**

Tháo dỡ lớp trát tường và trần cũ tại các vị trí bong tróc, trát lại tường và trần mới bằng VXM mác 75, vệ sinh sơn lại toàn bộ tường và trần nhà bằng sơn 3 nước. Bóc bỏ lớp gạch lát nền cũ, lát lại nền nhà bằng gạch Ceramic KT 600x600mm. Tháo dỡ và thay thế toàn bộ lan can cũ; Lát lại mặt bậc cầu thang và bậc tam cấp bằng đá Granite màu sáng, thay mới lan can và tay vịn cầu thang. Thay thế cửa đi và cửa sổ bằng cửa nhôm hệ pano kính trắng dày 6,38mm, thay mới hoa sắt cửa sổ. Tháo dỡ toàn bộ hệ thống điện cũ, làm mới lại hệ thống điện đi ngầm tường. Chống thấm lại sênô mái, tháo dỡ mái tôn cũ sơn lại xà gồ lợp lại mái tôn mới, thay mới hệ thống ống thoát nước mái. Làm mới lại hệ thống chống sét cho công trình.

### **8.7. Các công trình phụ trợ**

a) Tường kê: Tường kê bảo vệ mái taluy sau nhà ký túc xá (cải tạo thành lớp học bộ môn). Tường kê được thiết kế tường trọng lực bằng bê tông đá 1x2m mác 200, trên lớp lót bê tông đá 4x6cm mác 100. Giăng đỉnh tường bằng BTCT đá 1x2 mác 200. Bố trí hệ thống thoát nước chân tường kê.

b) Tường rào: Tường rào xây trên đỉnh tường kê, chiều cao tường rào 1,45m xây gạch bê tông không nung VXM mác 50, trát tường VXM mác 50, khoảng cách 2,875m bổ trụ gạch 330x330 cao 1,85m, toàn bộ tường rào được sơn trực tiếp 03 nước.

c) Rãnh thoát nước: Gồm rãnh nắp đan R1 và R2. Kết cấu móng bê tông đá 1x2 mác 200, thành rãnh xây gạch không nung VXM mác 75, trát lòng trong VXM mác 75, tấm đan thiết kế bê tông cốt thép đúc sẵn đá 1x2 mác 200.

d) Sân đường nội bộ:

- Sân lát gạch Terazzo: đổ bê tông đá 1x2cm mác 200, mặt sân lát gạch terrazzo 400x400.

- Sân bê tông 1: Đổ trên nền sân bê tông cũ, vệ sinh bề mặt sân bê tông cũ đổ thêm lớp bê tông mới đá 1x2cm, mác 200.

- Sân bê tông 2: Đổ trên nền sân đất, đổ bê tông lót đá 4x6cm mác 100 dày 10cm, phía trên đổ bê tông đá 1x2cm, mác 200.

- Bó vỉa bồn hoa: Xây gạch 110mm VXM mác 50, mặt ngoài và mặt trên tường hoa ốp gạch thẻ màu nâu.

đ) Bảng tin: Móng cột bê tông kết hợp xây gạch, mặt bậc tam cấp bảng tin ốp đá granite, cột đỡ chính bảng tin inox, mặt bảng tin là 2 bảng chống lóa trong khung inox.

e) Bể chứa nước PCCC: Bể có kích thước 10,6x5,0m (từ tim đến tim) cao 3,3m. Kết cấu đáy bể, thành bể và nắp bể đổ BTCT đá 1x2cm mác 200, lót đáy bê tông đá 4x6cm mác 100. Đáy bể quét 3 lớp sơn chống thấm, láng VXM mác 75. Tường trong và ngoài bể trát VXM mác 75, tường trong quét sơn chống thấm và đánh màu bằng xi măng nguyên chất 2 lớp. Nắp bể mặt trên láng VXM mác 75, mặt trong nắp bể quét 3 lớp sơn chống thấm.

f) Nhà bơm nước PCCC: Kích thước 4,31x4,78m (từ tim đến tim), tường bao xây gạch không nung VXM mác 75, móng xây gạch đặc không nung; dầm móng, dầm đỉnh tường BTCT đá 1x2 mác 200; mái đổ BTCT đá 1x2 mác 200 dày 100mm; tường lặn sơn trực tiếp 3 nước; cửa đi cửa sổ dùng cửa nhôm hệ pa nô kính dày 6,38mm, hoa sắt cửa sổ dùng sắt vuông đặc 14x14 sơn tĩnh điện.

g) Phá dỡ công trình: Phá dỡ nhà bếp ăn cũ

**9. Số bước thiết kế:** 02 bước.

**10. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 18.876.589.000 đồng;** trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	15.291.164.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án	:	363.982.000	đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD	:	1.668.423.000	đồng;
- Chi phí khác	:	220.974.000	đồng;

- Chi phí dự phòng : 1.332.046.000 đồng.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo).

**11. Nguồn vốn:** Nguồn sự nghiệp giáo dục và đào tạo trong dự toán ngân sách tỉnh hằng năm.

**12. Hình thức quản lý dự án:** Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Mường Lát (Chủ đầu tư) tổ chức thực hiện quản lý dự án.

**13. Thời gian thực hiện:** Năm 2022 - 2024.

**14. Các nội dung khác:** Theo nội dung thẩm định của Sở Xây dựng tại Công văn số 9511/SXD-HĐXD ngày 20/12/2022. Yêu cầu Chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn có đủ năng lực thẩm tra phương án gia cố nền móng nhà lớp học 3 tầng 12 phòng đảm bảo an toàn chịu lực, đúng quy định.

**Điều 2.** Trách nhiệm thi hành

1. Sở Xây dựng, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về nội dung hồ sơ dự án trình thẩm định, phê duyệt.

2. Chủ đầu tư (Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Mường Lát) có trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng các quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giáo dục và Đào tạo; Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa, Chủ tịch UBND huyện Mường Lát, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Mường Lát; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN.  
(HĐXD\_DA\_M9)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đầu Thanh Tùng**

**Phụ biểu: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**  
**Dự án: Nâng cấp, cải tạo Trường THPT Mường Lát, huyện Mường Lát**  
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Đồng

Stt	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền		
				Trước VAT	Thuế VAT	Sau VAT
<b>I</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>	Gxd	Bảng tổng hợp kinh phí	<b>14.055.527.645</b>	<b>1.235.635.866</b>	<b>15.291.164.000</b>
<b>II</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	Gqlđa	$(G_{XD} + G_{TB})^{\text{trước VAT}} \times 3,237\% \times 0,8$	<b>363.981.944</b>		<b>363.982.000</b>
<b>III</b>	<b>Chi phí tư vấn ĐTXD</b>	Gtv	(1)+(2)+... + (14)	<b>1.518.026.238</b>	<b>150.397.071</b>	<b>1.668.423.000</b>
1	Chi phí khảo sát		Do chủ đầu tư phê duyệt	65.750.909	6.575.091	72.326.000
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát		$G_{KS}^{\text{trước VAT}} \times 3,00\%$	1.972.527	197.253	2.170.000
3	Chi phí tư vấn kiểm định đánh giá hiện trạng, chất lượng công trình		Do chủ đầu tư phê duyệt	102.670.909	10.267.091	112.938.000
4	Chi phí lập Báo cáo NCKT		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 1,114\%$	156.578.578	15.657.858	172.236.000
5	Chi phí lập thiết kế BVTC và DT		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 3,226\%$	453.431.322	45.343.132	498.774.000
6	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,244\%$	34.295.487	3.429.549	37.725.000
7	Chi phí thẩm tra Dự toán		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,238\%$	33.452.156	3.345.216	36.797.000
8	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu. Đánh giá hồ sơ dự thầu xây lắp		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,398\%$	55.941.000	5.594.100	61.535.000
9	Chi phí giám sát thi công xây dựng		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 3,112\%$	437.408.020	43.740.802	481.149.000
10	Chi phí giám sát khảo sát		$G_{KS}^{\text{trước VAT}} \times 4,072\%$	2.677.377	267.738	2.945.000
11	Chi phí tư vấn cấp giấy phép môi trường		Theo bảng dự toán	76.459.091	7.645.909	84.105.000

Stt	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền		
				Trước VAT	Thuế VAT	Sau VAT
12	Chi phí thí nghiệm nén tĩnh cọc bê tông		Tạm tính	83.333.333	8.333.333	91.667.000
13	Chi phí thẩm định HSMT xây lắp		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,050\%$	7.027.764		7.028.000
14	Chi phí thẩm định kết quả đấu thầu xây lắp		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,050\%$	7.027.764		7.028.000
<b>IV</b>	<b>Chi phí khác</b>	Gk	(1)+(2)+... + (6)	<b>208.477.966</b>	<b>12.494.416</b>	<b>220.974.000</b>
1	Chi phí bảo hiểm công trình		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,080\%$	11.244.422	1.124.442	12.369.000
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán		$TMĐT \times 0,367\% \times 0,5$	34.657.645		34.658.000
3	Chi phí kiểm toán		$TMĐT \times 0,602\%$	113.699.740	11.369.974	125.070.000
4	Chi phí thẩm duyệt PCCC		$TMĐT^{\text{trước VAT}} \times 0,010\%$	1.735.696		1.736.000
5	Chi phí thẩm định dự án		$TMĐT \times 0,018\%$	3.399.660		3.400.000
6	Chi phí kiểm tra cơ quan QLNN		$G_{gs}^{\text{trước VAT}} \times 10,00\%$	43.740.802		43.741.000
<b>V</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>	G <sub>DP</sub>	(1)+(2)	<b>1.210.951.034</b>	<b>121.095.103</b>	<b>1.332.046.000</b>
1	Dự phòng phát sinh khối lượng		$(G_{xd}+G_{qlđ}+G_{tv}+G_k) \times 4,5\%$	726.570.621	72.657.062	799.228.000
2	Dự phòng yếu tố trượt giá		$(G_{xd}+G_{qlđ}+G_{tv}+G_k) \times 3,0\%$	484.380.414	48.438.041	532.818.000
	<b>TỔNG CỘNG (làm tròn)</b>			<b>17.356.964.827</b>	<b>1.519.622.456</b>	<b>18.876.589.000</b>